



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 04 năm 2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 30/06/2011: 41.370.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38335798
- Fax: (84) 08.38307141

Ngành nghề kinh doanh chính

- In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các nhà Xuất bản khác;
- Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Kinh doanh ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến 30/06/2011 là 37 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--|
| • Ông Hoàng Văn Đại | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009
Miễn nhiệm ngày 01/07/2011 |
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Chủ tịch lâm thời | Bổ nhiệm ngày 01/07/2011 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|----------------------------|---------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |
| • Ông Bùi Tất Tươi | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22/04/2009 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 22/04/2009 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2009 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc Giám đốc

Nguyễn Thị Chung

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1024/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 được lập ngày 05/08/2011 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phan Xuân Vạn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Trần Thị Nở

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.305.858.962	62.841.766.374
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.875.381.148	7.449.791.508
1. Tiền	111		2.875.381.148	4.449.791.508
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	238.564.000	340.593.050
1. Đầu tư ngắn hạn	121		426.423.050	426.423.050
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(187.859.050)	(85.830.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.089.628.273	14.248.006.357
1. Phải thu khách hàng	131		15.596.036.375	12.751.332.496
2. Trả trước cho người bán	132		822.435.206	1.800.656.750
3. Các khoản phải thu khác	135	7	12.198.323	37.058.742
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(341.041.631)	(341.041.631)
IV. Hàng tồn kho	140	8	30.851.724.736	40.444.171.639
1. Hàng tồn kho	141		32.598.149.684	42.190.596.587
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.746.424.948)	(1.746.424.948)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		250.560.805	359.203.820
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	41.694.250
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	250.560.805	317.509.570
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.138.940.692	32.391.566.992
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.499.355.324	24.388.856.261
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.020.561.744	1.137.619.170
- Nguyên giá	222		2.297.252.288	2.297.252.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.276.690.544)	(1.159.633.118)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	14.931.562.893	14.931.562.893
- Nguyên giá	228		14.931.562.893	14.931.562.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	8.547.230.687	8.319.674.198
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	960.000.000	1.398.975.363
1. Đầu tư dài hạn khác	258		960.000.000	1.440.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(41.024.637)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.679.585.368	6.603.735.368
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.679.585.368	6.603.735.368
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.444.799.654	95.233.333.366

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.960.774.190	49.272.449.493
I. Nợ ngắn hạn	310		31.415.759.788	44.785.982.391
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.060.000.000
2. Phải trả người bán	312		27.238.341.574	34.572.073.743
3. Người mua trả tiền trước	313		255.948.457	2.691.834.190
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	651.342.722	1.285.604.244
5. Phải trả người lao động	315		477.664.739	646.065.770
6. Chi phí phải trả	316	16	1.758.325.965	1.635.678.780
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	65.482.530	1.300.128.032
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		968.653.801	1.594.597.632
II. Nợ dài hạn	330		2.545.014.402	4.486.467.102
1. Phải trả dài hạn khác	333	18	300.000.000	300.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	2.035.000.000	3.975.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10.014.402	11.467.102
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	20	200.000.000	200.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.484.025.464	45.960.883.873
I. Vốn chủ sở hữu	410		47.484.025.464	45.960.883.873
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.000.000	140.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	21	(1.162.820.000)	(1.162.820.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	2.443.458.930	2.443.458.930
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	1.517.632.156	1.517.632.156
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	3.175.754.378	1.652.612.787
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.444.799.654	95.233.333.366

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Lan Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	46.638.108.608	33.927.387.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	145.208.416	191.579.951
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	46.492.900.192	33.735.807.458
4. Giá vốn hàng bán	11	23	40.550.786.194	28.637.666.528
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		5.942.113.998	5.098.140.930
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	219.745.480	687.965.441
7. Chi phí tài chính	22	25	172.877.607	34.005.456
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.205.438.372	2.110.461.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.793.422.614	1.819.086.997
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.990.120.885	1.822.552.469
11. Thu nhập khác	31	26	11.363.636	-
12. Chi phí khác	32		-	183.799.577
13. Lợi nhuận khác	40		11.363.636	(183.799.577)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	2.001.484.521	1.638.752.892
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	478.342.930	959.007.040
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	27	1.523.141.591	679.745.852
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	377	168

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Lan Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	42.686.057.948	25.649.291.056
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(39.831.500.745)	(28.414.587.665)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.183.188.213)	(1.511.664.449)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(949.089.419)	(840.941.972)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	695.974.031	286.380.757
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.158.574.987)	(718.714.399)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(740.321.385)	(5.550.236.672)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(227.556.489)	(502.090.909)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(642.450.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	480.000.000	837.700.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	126.467.514	484.252.796
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	378.911.025	177.411.887
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(755.320.000)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.000.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.213.000.000)	(811.610.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.213.000.000)	(1.566.930.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.574.410.360)	(6.939.754.785)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.449.791.508	10.007.478.686
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.875.381.148	3.067.723.901

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung
Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Lan Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 04 năm 2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Ngành nghề kinh doanh chính

- In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các nhà Xuất bản khác;
- Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Kinh doanh ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung theo có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.12 Phân phối lợi nhuận thuần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	492.108.847	693.505.813
Tiền gửi ngân hàng	2.383.272.301	3.756.285.695
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có KH dưới 3 tháng)	-	3.000.000.000
Cộng	2.875.381.148	7.449.791.508

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	35.094	426.423.050	35.094	426.423.050
+ Cổ phiếu Công ty CP Sách giáo dục TP Hà Nội (EBS)	35.000	425.330.000	35.000	425.330.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Bán đồ & Tranh ảnh giáo dục (ECI)	94	1.093.050	94	1.093.050
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn cổ phiếu		(187.859.050)		(85.830.000)
Cộng		238.564.000		340.593.050

7. Phải thu khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	11.333.333
Phải thu bảo hiểm	10.811.323	-
Phải thu khác	1.387.000	25.725.409
Cộng	12.198.323	37.058.742

8. Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.630.830.070	15.752.503.304
Chi phí SX, KD dở dang	203.404.427	1.300.726.560
Thành phẩm	26.763.915.187	25.137.366.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.746.424.948)	(1.746.424.948)
Cộng giá gốc hàng tồn kho	30.851.724.736	40.444.171.639

9. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	172.170.069	155.352.234
Ký quỹ ngắn hạn	73.800.000	157.566.600
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.590.736	4.590.736
Cộng	250.560.805	317.509.570

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	798.280.564	1.235.638.426	263.333.298	2.297.252.288
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	798.280.564	1.235.638.426	263.333.298	2.297.252.288
Khấu hao				
Số đầu năm	192.917.802	751.934.887	214.780.429	1.159.633.118
Khấu hao trong kỳ	39.914.028	64.119.702	13.023.696	117.057.426
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	232.831.830	816.054.589	227.804.125	1.276.690.544
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	605.362.762	483.703.539	48.552.869	1.137.619.170
Số cuối kỳ	565.448.734	419.583.837	35.529.173	1.020.561.744

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011 là: 635.406.314 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ đem cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2011: 15.497.011.626 đồng (Bao gồm Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 05 Bình thới, Quận 11, TP HCM với giá trị 14.931.562.893 đồng và giá trị còn lại của tài sản gắn liền trên đất là 565.448.733 đồng).

11. Tài sản cố định vô hình: Là quyền sử dụng đất lâu dài tại số 05 Bình Thới, Phường 11, Quận 11, Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

phố Hồ Chí Minh.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí mua ba lô đất tại Xã Đa Phước, Huyện Bình Chánh	8.547.230.687	8.319.674.198
Cộng	8.547.230.687	8.319.674.198

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	52.000	960.000.000	100.000	1.440.000.000
<i>Đầu tư vào Công ty CP siêu thị tổng hợp Tân An</i>	<i>12.000</i>	<i>120.000.000</i>	<i>60.000</i>	<i>600.000.000</i>
<i>Đầu tư vào Công ty CP TBTH Sóc Trăng</i>	<i>40.000</i>	<i>840.000.000</i>	<i>40.000</i>	<i>840.000.000</i>
Dự phòng tổn thất đầu tư CP Cty CP Siêu thị TH Tân An		-		(41.024.637)
Cộng		960.000.000		1.398.975.363

Công ty không nhận được Báo cáo tài chính của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng và cũng không có được nguồn dữ liệu nào đáng tin cậy về thị giá của Cổ phiếu này. Theo đó, khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo giá gốc đầu tư và không trích lập dự phòng.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí tổ chức bán thảo	5.679.585.368	6.591.585.368
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	12.150.000
Cộng	5.679.585.368	6.603.735.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	118.933.152	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	478.342.930	949.089.419
Thuế thu nhập cá nhân	54.066.640	336.514.825
Cộng	651.342.722	1.285.604.244

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Trích trước chi phí bán thảo phải trả cho NXB	1.271.153.309	1.024.356.609
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	487.172.656	611.322.171
Cộng	1.758.325.965	1.635.678.780

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	44.509.130	81.154.632
Bảo hiểm xã hội	-	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.975.000	1.214.975.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.998.400	3.998.400
Cộng	65.482.530	1.300.128.032

18. Phải trả dài hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn (đặt cọc tiền thuê nhà)	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

19. Vay dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Phú Thọ	2.035.000.000	3.975.000.000
Cộng	2.035.000.000	3.975.000.000

Vay dài hạn Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng vay số 0041/PKH/10TH ngày 23/07/2010 với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ngân hàng giải ngân đầu tiên cho đến khi trả hết nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư mua bất động sản và đóng lệ phí, thuế chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư đưa vào quyền sử dụng đất tại xã Đa Phước, huyện Bình Chánh nhằm xây dựng kho chứa sách. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay trung hạn công bố theo từng thời điểm rút vốn và điều chỉnh theo từng thời kỳ. Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 5 Bình Thới, Phường 11, Quận 11, TP.HCM.

20. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền cho thuê nhà nhận trước	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	41.370.000.000	(407.500.000)	2.443.458.930	1.517.632.156	2.299.135.895
Tăng trong năm	-	(755.320.000)	-	-	3.444.102.522
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.090.625.630
Số dư tại 31/12/2010	41.370.000.000	(1.162.820.000)	2.443.458.930	1.517.632.156	1.652.612.787
Số dư tại 01/01/2011	41.370.000.000	(1.162.820.000)	2.443.458.930	1.517.632.156	1.652.612.787
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.523.141.591
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	41.370.000.000	(1.162.820.000)	2.443.458.930	1.517.632.156	3.175.754.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	30/06/2011 VND	Tỷ lệ %	31/12/2010 VND
Vốn đầu tư của NXBGD	15,28	6.320.000.000	15,28	10.770.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	82,31	34.050.000.000	82,31	30.250.000.000
Cổ phiếu quỹ	2,41	1.000.000.000	2,41	350.000.000
Cộng	100%	41.370.000.000	100%	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu thường	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	100.000	100.000
- Cổ phiếu thường	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.037.000	4.037.000
- Cổ phiếu thường	4.037.000	4.037.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.652.612.787	2.299.135.895
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.523.141.591	3.444.102.522
Phân phối lợi nhuận	-	4.090.625.630
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	688.820.504
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	172.205.126
- Chia cổ tức	-	3.229.600.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.175.754.378	1.652.612.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng doanh thu	46.638.108.608	33.927.387.409
+ Doanh thu bán sách giáo khoa, sách tham khảo	36.942.428.536	32.537.053.127
+ Doanh thu bán giấy ruột	9.360.000.000	-
+ Doanh thu hoạt động khác	335.680.072	1.390.334.282
Các khoản giảm trừ doanh thu	145.208.416	191.579.951
+ Hàng bán bị trả lại	145.208.416	191.579.951
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.492.900.192	33.735.807.458

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	31.089.105.458	27.346.827.837
Giá vốn giấy ruột	9.458.995.000	-
Giá vốn hoạt động khác	2.685.736	1.290.838.691
Cộng	40.550.786.194	28.637.666.528

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.021.381	300.139.996
Lãi từ đầu tư chứng khoán	-	166.100.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	88.112.800	184.112.800
Chiết khấu thanh toán nhanh	5.486.994	37.612.645
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	99.124.305	-
Cộng	219.745.480	687.965.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Chiết khấu thanh toán	111.873.194	14.237.238
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính	61.004.413	19.768.218
Cộng	172.877.607	34.005.456

26. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	11.363.636	-
Cộng	11.363.636	-

27. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.001.484.521	1.638.752.892
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(88.112.800)	9.686.777
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	-	193.799.577
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	88.112.800	184.112.800
Tổng thu nhập chịu thuế	1.913.371.721	1.648.439.669
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	478.342.930	959.007.040
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	478.342.930	412.109.827
- Chi phí thuế TNDN các năm trước điều chỉnh vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	546.897.213
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.523.141.591	679.745.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.523.141.591	679.745.852
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.523.141.591	679.745.852
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.037.000	4.056.798
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	377	168

29. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 04/04/2011 thông qua chia cổ tức năm 2010 là 8%/vốn điều lệ. Trong đó: 5% đã được chi trả trong năm 2010 và Công ty cũng đã chi trả 3% còn lại vào tháng 4/2011.

30. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách TBTH TP HCM	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
CTY CP Bán đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Bán hàng		
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	1.749.744.615
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	1.068.153.305
CTY CP Học Liệu (EMCO)	Cung ứng sách tham khảo	665.591.192
CTY CP Sách TBTH TP HCM	Cung ứng sách tham khảo	313.696.523
Mua hàng		
CTY CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Nhập sách tham khảo	2.089.826.656
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách tham khảo	1.296.965.098
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	2.544.112.559
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	Nhập sách tham khảo	651.071.045
CTY CP Sách Dân Tộc	Nhập sách tham khảo	743.170.658
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách	5.340.561.027
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Tiền bản thảo	295.060.800
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách	5.022.328.403
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Nhập sách	996.577.280

c. Vào ngày 30/06/2011, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Phải thu VND	Phải trả VND
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	746.002.154	
CTY CP Sách TBTH TP HCM	458.458.003	
CTY CP Học Liệu (EMCO)	799.050.300	
CTY CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục		1.700.409.011
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng		2.250.231.388
CTY CP Sách ĐH dạy nghề		934.982.364
CTY CP Sách Dân Tộc		295.275.805
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam		2.359.412.778
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội		451.676.111
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam		1.288.165.170
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long		266.171.788

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Nguyễn Thị Lan Phương

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2011